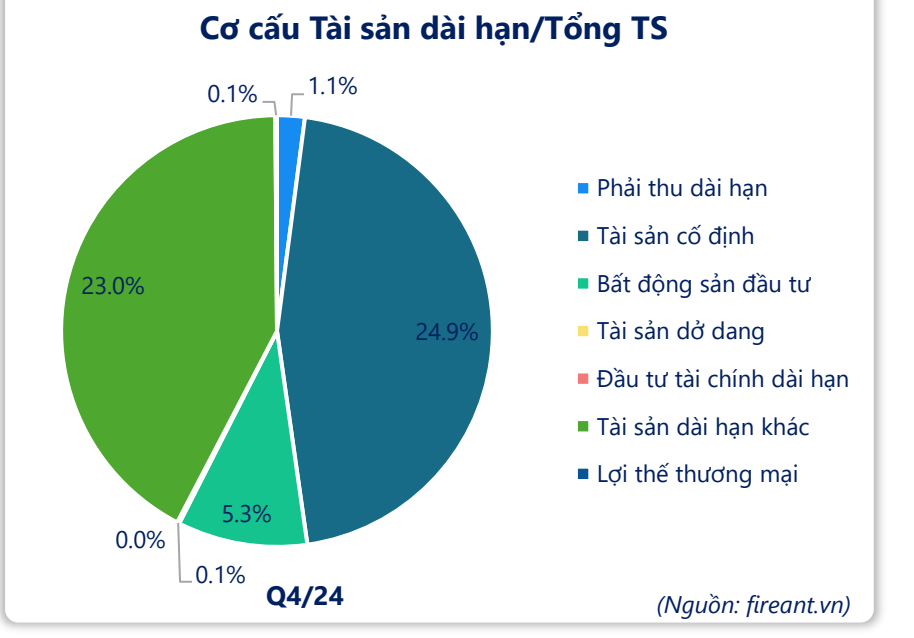
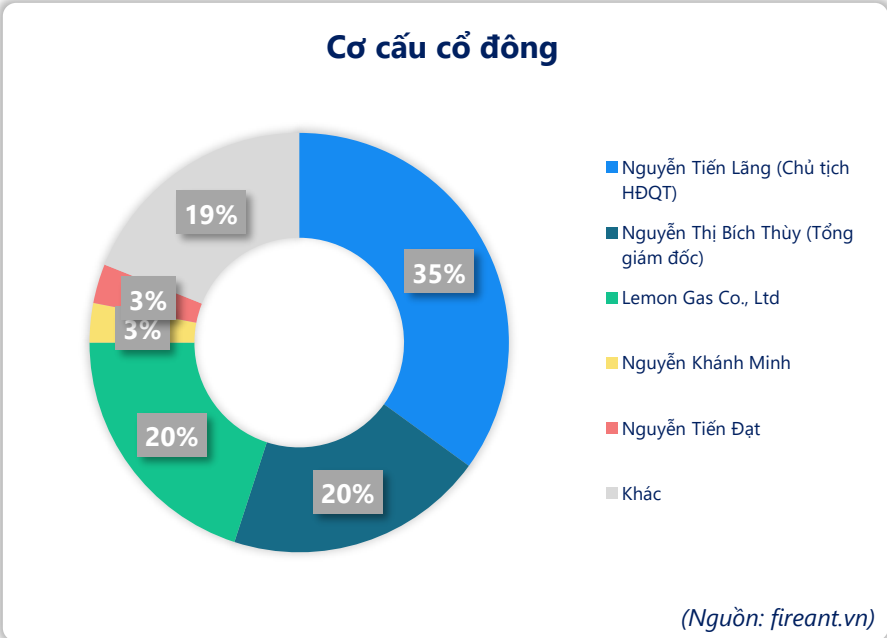
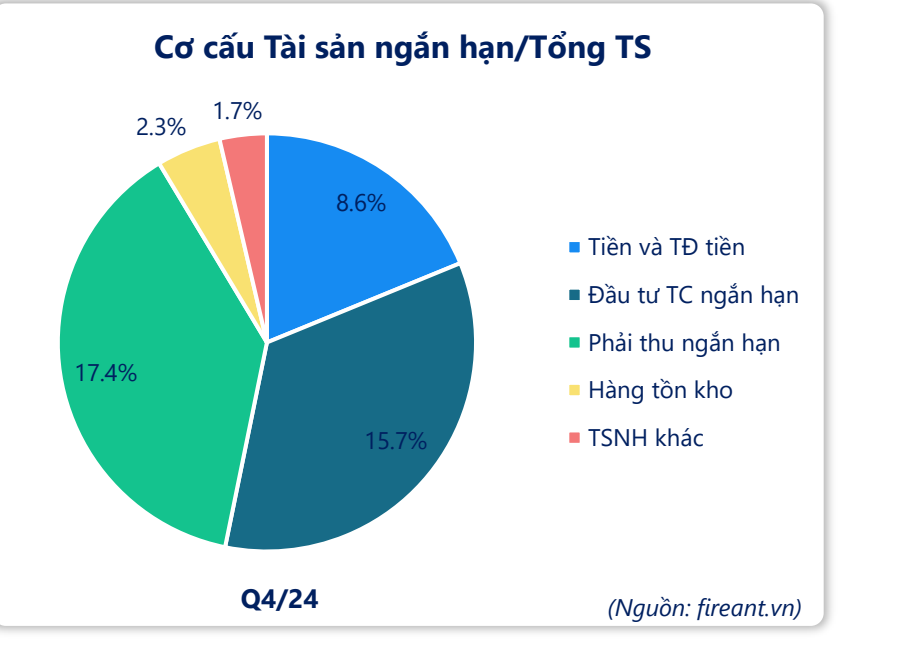
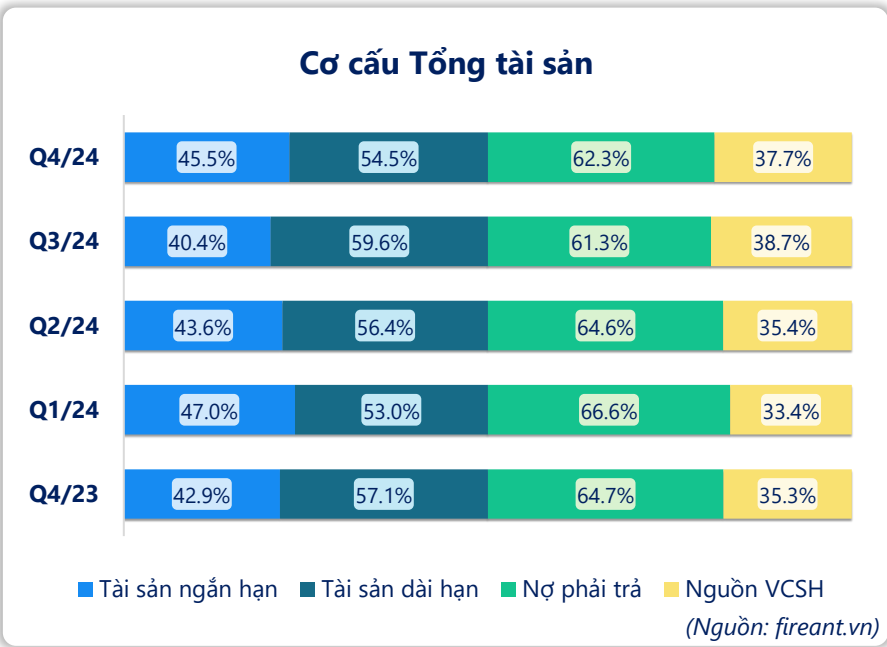
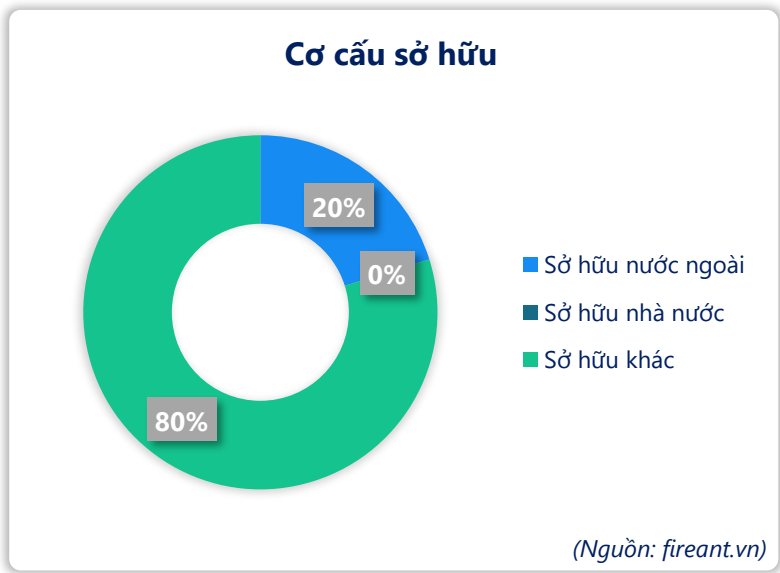
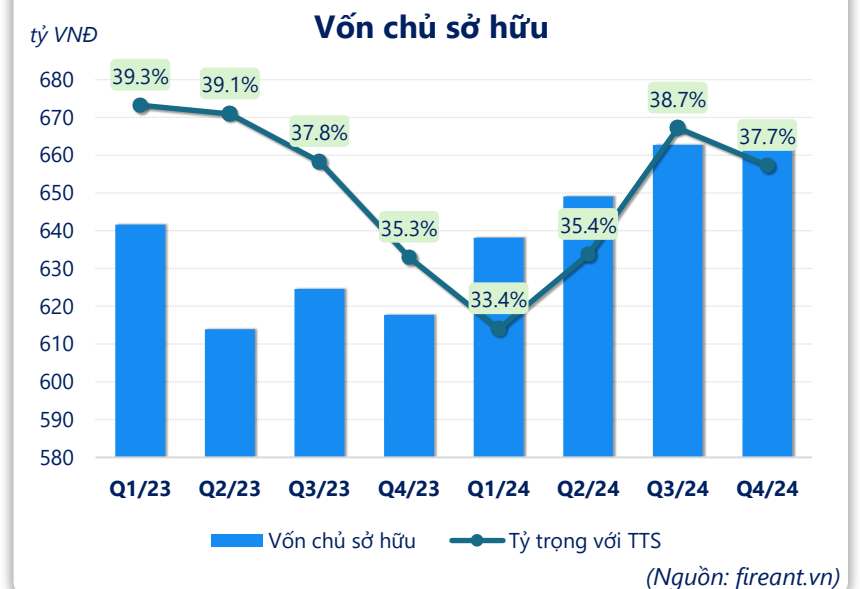
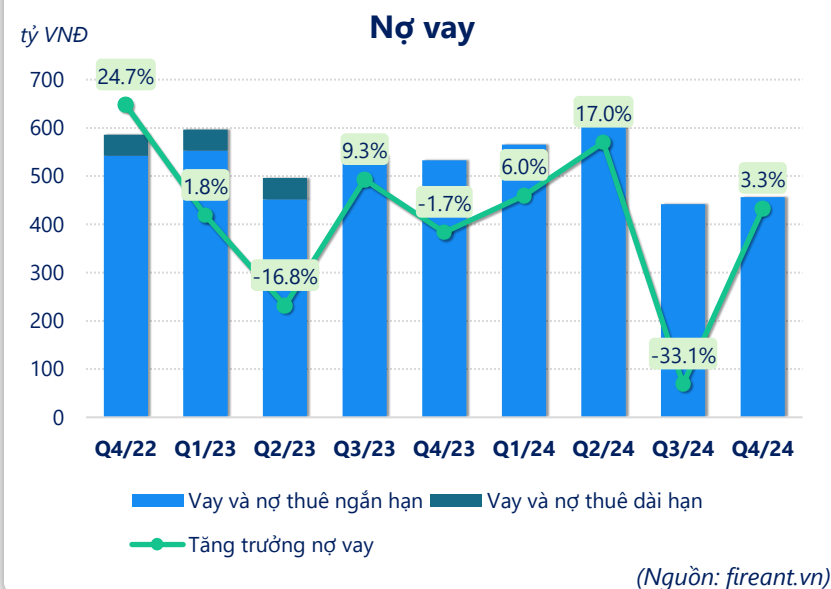
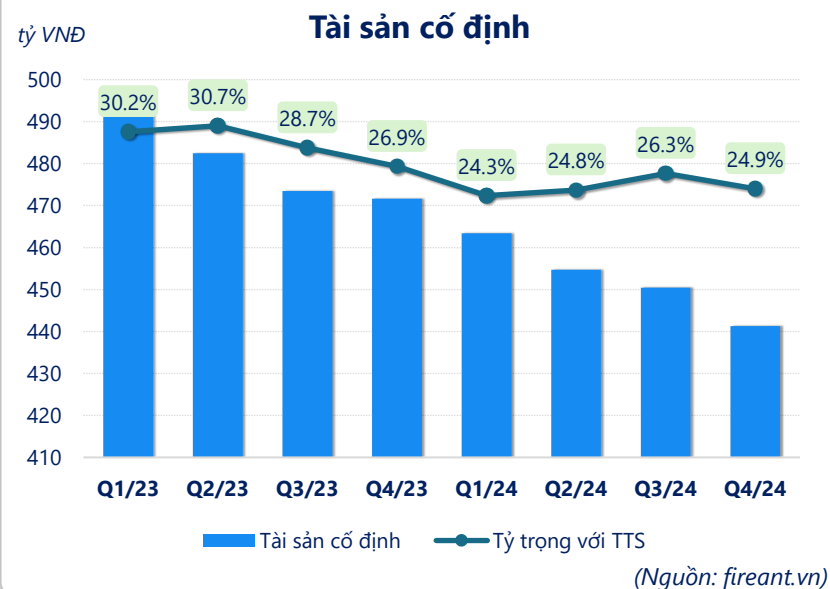
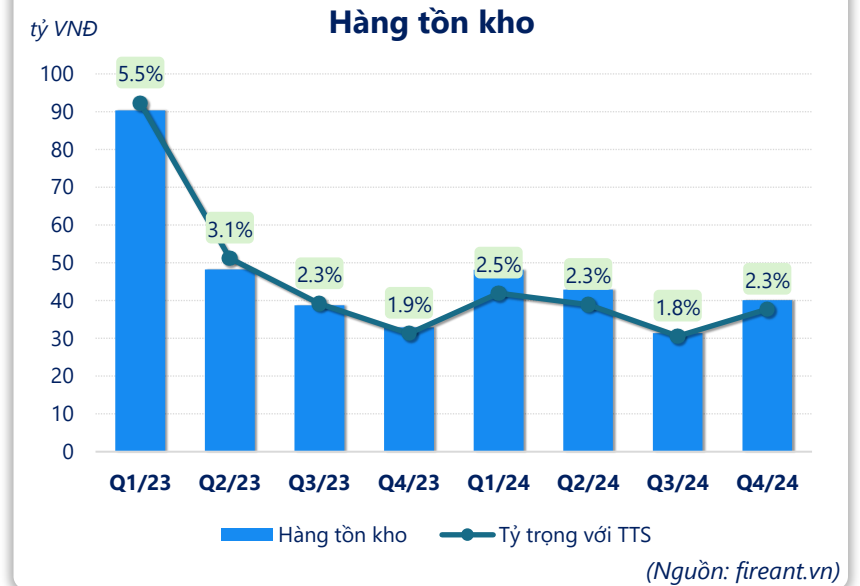
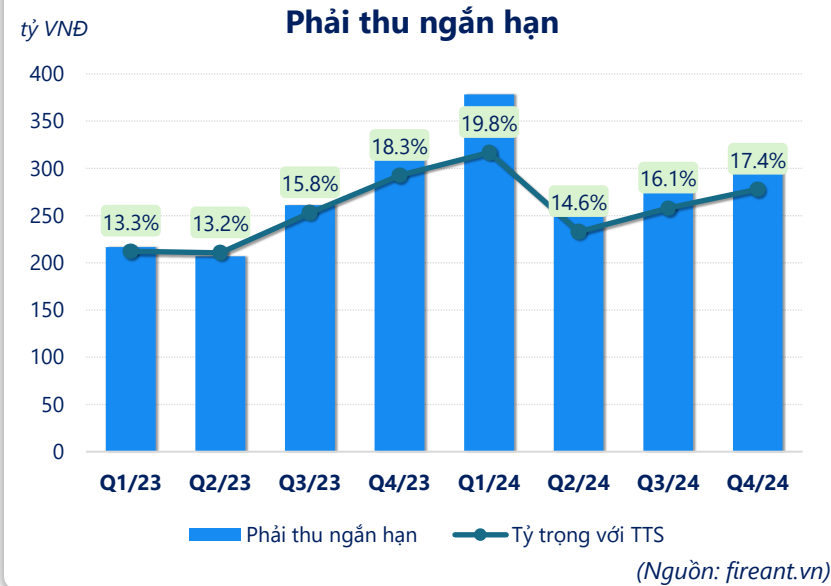
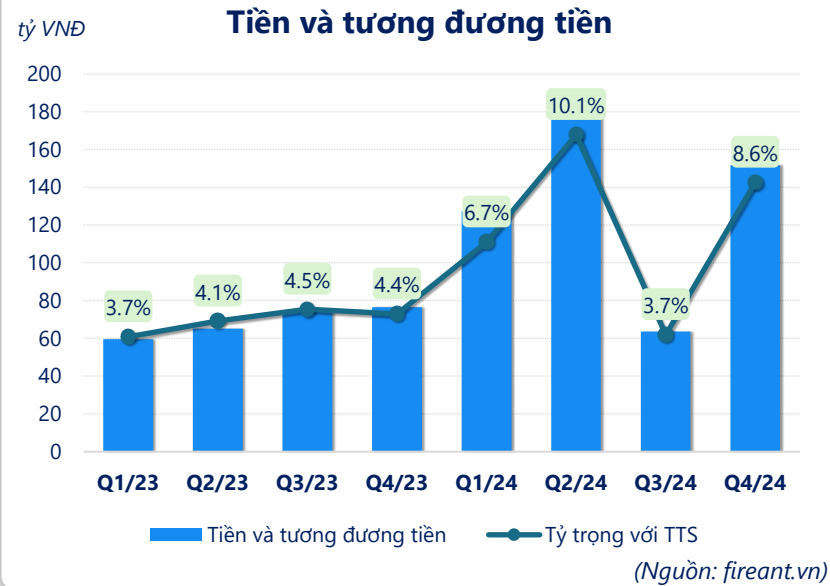
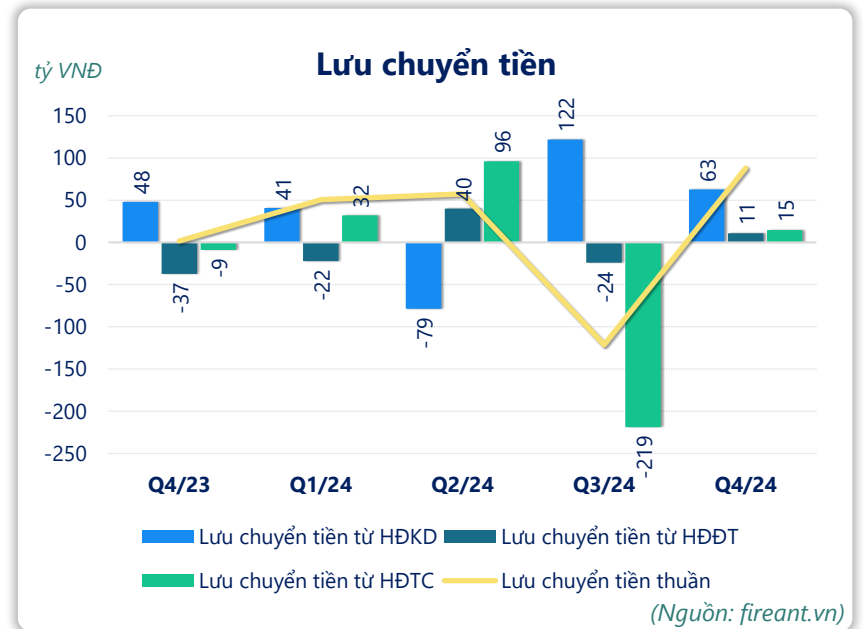
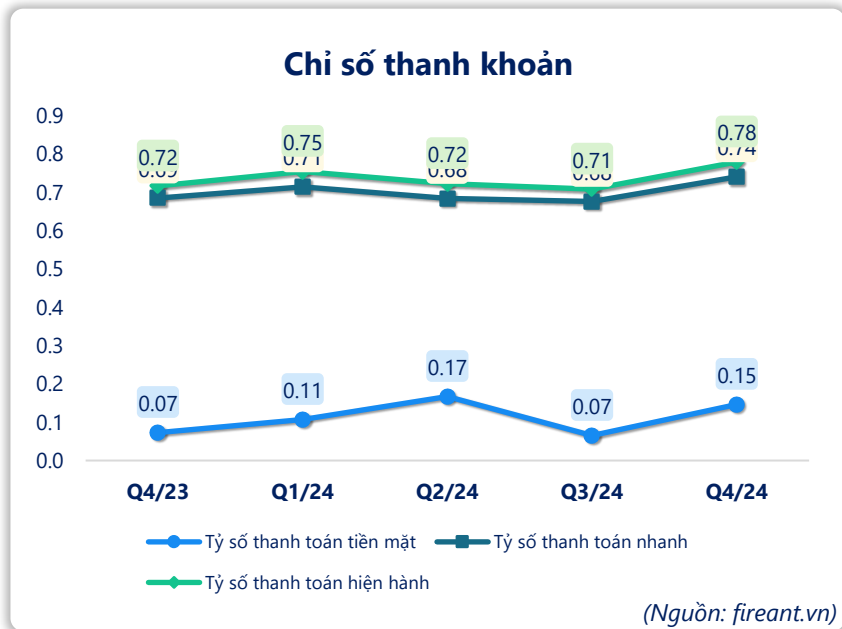
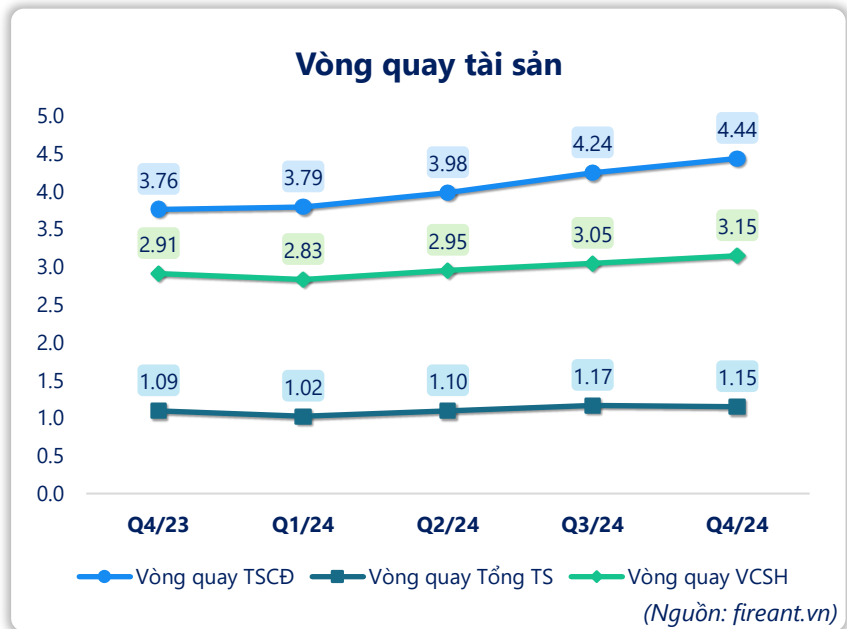
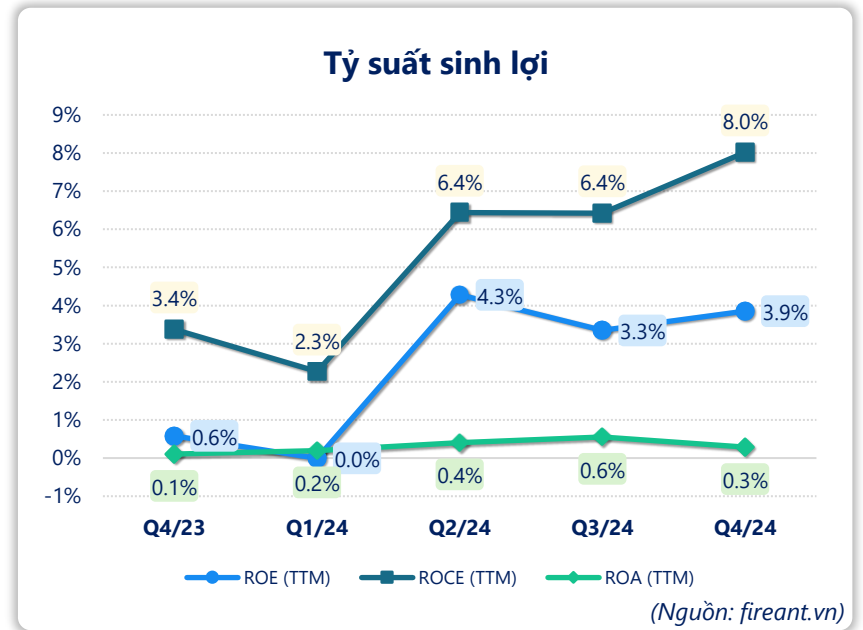
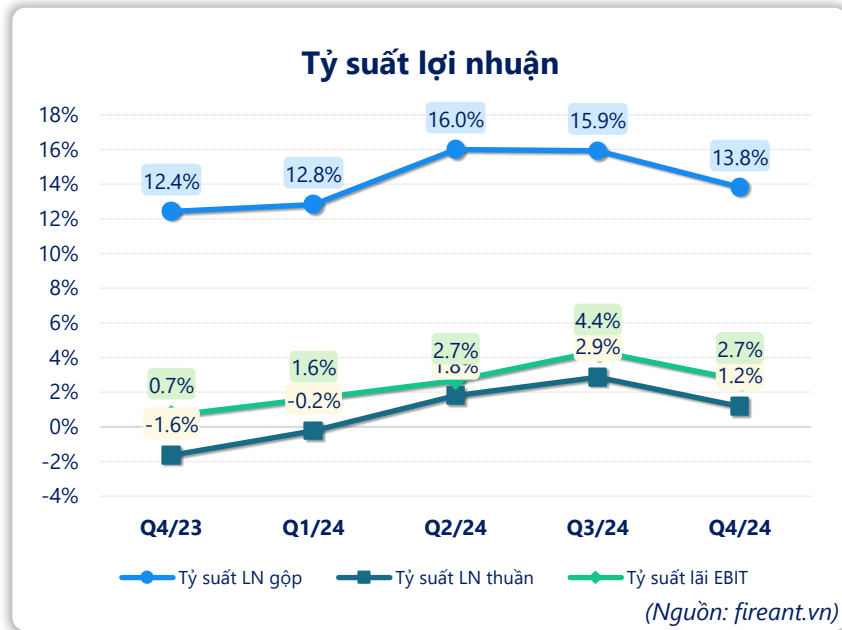
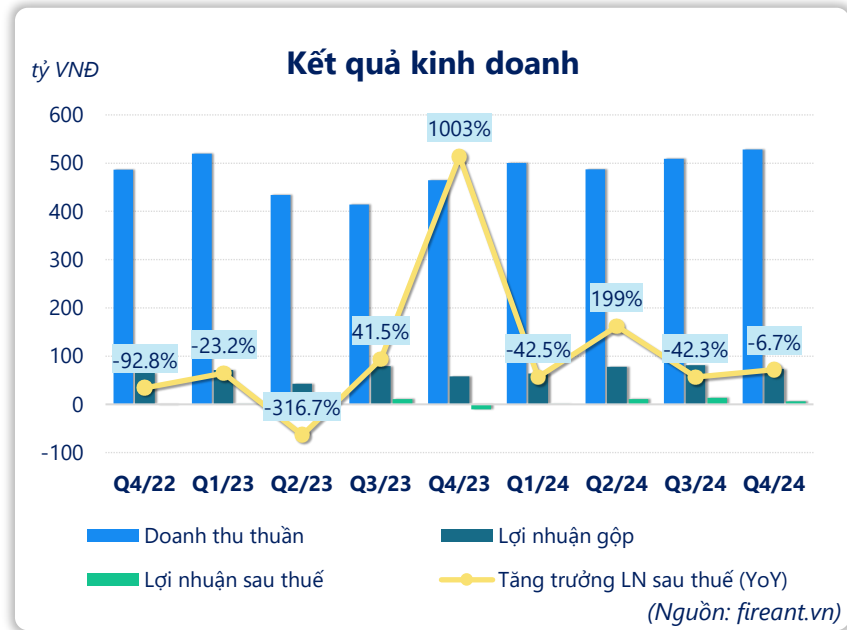


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,210
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,520
SL cổ phiếu LH		46,336,278
KLGD BQ 20 phiên (CP)		485
% sở hữu nước ngoài		20.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		380
P/E		15.3
EPS		535

	YTD	1T	3T	6T
PMG		0.1%	2.6%	3.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,773	1,778	-0.3%
Tài sản ngắn hạn	807	750	7.5%
Tiền và tương đương tiền	152	76.6	98.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	277	281	-1.3%
Phải thu ngắn hạn	308	320	-3.8%
Hàng tồn kho	40.1	32.9	21.9%
Tài sản ngắn hạn khác	29.4	39.7	-25.9%
Tài sản dài hạn	966	1,028	-6.0%
Phải thu dài hạn	20.0	23.0	-12.9%
Tài sản cố định	441	472	-6.4%
Bất động sản đầu tư	94.1	94.1	-0.1%
Tài sản dở dang	1.64	1.76	-6.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	408	435	-6.3%
Lợi thế thương mại	1.20	1.73	-30.9%
Nợ phải trả	1,104	1,140	-3.2%
Nợ ngắn hạn	1,035	1,055	-1.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	457	533	-14.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	557	393	42.0%
Nợ dài hạn	69.1	85.2	-18.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	669	637	4.9%
Vốn chủ sở hữu	669	637	4.9%
Vốn điều lệ	463	463	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	464	500	487	509	528
Giá vốn hàng bán	407	436	409	428	455
Lợi nhuận gộp	57.7	64.1	78.0	81.1	72.9
Doanh thu HĐTC	4.19	3.63	4.64	6.93	3.85
Chi phí TC	11.6	5.21	7.24	6.26	5.56
Chi phí lãi vay	6.94	5.21	0.72	6.21	5.53
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	45.1	53.4	56.7	56.8	53.5
Chi phí QLDN	12.9	10.3	9.87	10.4	11.5
LN thuần từ HĐKD	-7.60	-1.11	8.79	14.6	6.26
Lợi nhuận khác	3.69	4.12	3.52	1.40	2.54
LN trước thuế	-3.91	3.01	12.3	16.0	8.79
Lợi nhuận sau thuế	-10.6	0.83	10.9	13.7	6.09
LNST của CĐ cty mẹ	1.77	3.50	6.96	9.31	5.02

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.1	40.9	-78.6	122	62.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-37.2	-22.2	40.1	-24.0	10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-9.02	32.0	96.1	-219	14.5
Tiền đầu kỳ	74.7	76.6	127	185	63.7
Lưu chuyển tiền thuần	1.84	50.7	57.6	-121	88.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	76.5	127	185	63.7	152

(Nguồn: fireant.vn)